

Số: 68/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý
vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong
lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11; Luật Sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật Sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều; Nghị định số 53/2026/NĐ-CP
của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề
điều và phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số
68/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
118/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi
phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết
Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ
quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy
lợi; đề điều; Nghị định số 183/2026/NĐ-CP ngày 25/5/2026 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 296/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng
ché thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ
luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số
93/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 19/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp
luật về xử lý vi phạm hành chính;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 816/TTr-SNNMT-TL ngày 27 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2026. Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi điểm g, khoản 1 Điều 6 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Sửa đổi một số khoản thuộc Điều 1 của Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có đề; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đề điều chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTTH, TH, KTN, NC, TTTT (02 bản để thông tin và đăng công báo);
- Lưu: VT, KTN (05 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Lợi



QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 10/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường có đề (sau đây gọi chung là cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường có đề; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Nội dung phối hợp phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong quá trình giải quyết.

2. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị phải phục vụ lợi ích chung, bảo đảm dân chủ, khách quan, đầy đủ, công khai, thường xuyên, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời tạo điều kiện để các bên hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Nội dung phối hợp

- Công tác tuyên truyền, phòng ngừa vi phạm.
- Công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về vi phạm.
- Công tác ngăn chặn, xử lý vi phạm.
- Công tác cưỡng chế, khắc phục hậu quả.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Trách nhiệm chung của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đề điều.

2. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đề điều cần khẩn trương thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc cơ quan nhà nước quản lý đề điều trên địa bàn để kịp thời ngăn chặn và có biện pháp xử lý.

3. Khi nhận được thông tin hành vi vi phạm, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý kịp thời đúng quy định pháp luật về đề điều thuộc phạm vi phụ trách.

Điều 6. Trách nhiệm cụ thể của các Sở, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đề điều; cung cấp thông tin, danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đề điều đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh để đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc thẩm quyền:

Thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận tin báo, tố giác về vi phạm pháp luật về đề điều.

Kiểm tra, phát hiện ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều đối với các tuyến đề cấp I, cấp II, cấp III; lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm và thiết lập hồ sơ, văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về đề điều theo quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý bảo vệ đối với các tuyến đề cấp IV, cấp V.

c) Đôn đốc kết quả xử lý vi phạm của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp hành vi vi phạm không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý hoặc xử lý không nghiêm, không dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý.

d) Định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp tình hình vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật về đề điều báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai; chủ trì phối hợp, rà soát, phân loại, thống nhất số liệu vi phạm; kiến nghị xử lý cụ thể đối với từng trường hợp vi phạm pháp luật về đề điều còn tồn đọng trên địa bàn tỉnh; hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm, xác định mốc giới bảo vệ công trình đề điều, thoát lũ làm cơ sở cho việc giải tỏa vi phạm; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức cưỡng chế giải tỏa các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều.

đ) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đê điều; giải quyết các kiến nghị, phản ánh, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đê điều theo thẩm quyền.

e) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền pháp luật trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước liên quan đến hành lang bảo vệ đê điều và trong lòng sông, bãi sông.

f) Kiểm tra, xác minh và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các trường hợp cấp đất sai quy định, cấp đất ở nằm trong hành lang bảo vệ đê điều, khu vực bãi sông có nguy cơ sạt lở cao. Kiểm tra, giám sát các dự án duy tu tuyến đường thủy nội địa kết hợp tận thu khoáng sản lòng sông; các dự án khai thác đất, cát, sỏi ở bãi ven sông.

g) Phối hợp, trao đổi với Công an tỉnh thông tin về các tổ chức, cá nhân vi phạm vi phạm liên quan đến đê điều, phòng, chống thiên tai nhằm kịp thời đánh giá, có hướng giải quyết các trường hợp vi phạm, đặc biệt là các trường hợp không chấp hành phải tổ chức cưỡng chế nhằm bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông; cấm biển tải trọng cho phép các phương tiện được lưu thông trên các đoạn đê trùng, kết hợp đường giao thông.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra hoạt động bến thủy nội địa đối với các bến bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng; thu hồi giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động bến thủy nội địa đối với các bến bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng không phù hợp với quy hoạch và không đúng giấy phép.

3. Công an tỉnh

a) Phối hợp kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đê điều, khai thác trái phép, sai phép tài nguyên, khoáng sản trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với ngành chức năng và chính quyền địa phương, chỉ đạo lực lượng Công an cơ sở kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn, xử lý các xe vượt quá tải trọng được phép đi trên đê, không bảo đảm vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến an toàn đê điều.

c) Xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về đê điều, thủy lợi theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo lực lượng của ngành có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên đưa tin công tác quản lý, bảo vệ đê điều; phản ánh kịp thời các vụ việc vi phạm, công tác xử lý vi phạm của các địa phương để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều.

5. Sở Tư pháp

Có trách nhiệm phối hợp kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ cưỡng chế xử lý vi phạm hành chính khi có đề nghị.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan chuyên môn của tỉnh thực hiện lồng ghép nội dung phổ biến, tuyên truyền pháp luật về đê điều trong công tác tuyên truyền, phổ biến của địa phương; định kỳ phát các tin, bài về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên hệ thống phát thanh, truyền hình của địa phương theo đề nghị của cơ quan chuyên trách quản lý đê điều.

2. Quản lý, bảo vệ hệ thống công trình đê điều, mốc giới bảo vệ đê và các công trình quan sát, giám sát cảnh báo thiên tai trên địa bàn.

3. Chủ trì chỉ đạo cơ quan chuyên môn khi nhận được thông tin hoặc hồ sơ vụ việc vi phạm của cơ quan chuyên môn quản lý đê điều, các cơ quan chức năng chuyển đến phải có trách nhiệm ngăn chặn, xử lý theo các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Chậm nhất trong thời hạn 24 giờ tiến hành các trình tự, thủ tục xử lý, giám sát, đôn đốc việc chấp hành hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả của các đối tượng vi phạm pháp luật đê điều. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, trong vòng 48 giờ lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để ngăn chặn, xử lý theo quy định.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xác minh, tổ chức cưỡng chế các đối tượng vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp phức tạp, tổ chức họp liên ngành để phối hợp xử lý hoặc có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì xây dựng kế hoạch xử lý vi phạm, tổ chức cưỡng chế giải tỏa, khắc phục hậu quả vi phạm tồn đọng hàng năm.

6. Trước khi tiến hành tổ chức cưỡng chế gửi hồ sơ xin ý kiến của Sở Tư pháp về tính pháp lý của hồ sơ cưỡng chế xử lý vi phạm hành chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện Quy chế, tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để tổ chức các hoạt động kiểm tra, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đề điều theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không phát hiện đề xảy ra vi phạm pháp luật về đề điều tồn đọng, kéo dài không xử lý hoặc không đề xuất được biện pháp xử lý trên địa bàn; hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, phân công, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các cấp, các ngành trực thuộc đề thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ đề điều.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.